

Quản lý nhà nước đối với đầu tư công nghiệp quốc phòng ở Việt Nam

Phan Thị Hoài Vân¹

¹ Tổng Công ty Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng.
Email: armypharm@gmail.com

Nhận ngày 12 tháng 4 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Tóm tắt: Ngành công nghiệp quốc phòng (CNQP) của Việt Nam vừa đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, vừa tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhà nước xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư CNQP; xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch đối với đầu tư CNQP đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài; kiểm tra, giám sát đầu tư nhằm đánh giá tính hiệu quả, minh bạch trong lĩnh vực đầu tư CNQP từ ngân sách nhà nước (NSNN).

Từ khóa: Công nghiệp quốc phòng, đầu tư, quản lý nhà nước.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Vietnam's defence industry both works to secure national defence and actively participates in socio-economic development, contributing to speeding up the country's process of industrialisation and modernisation. The State develops and completes the system of laws and sub-laws in order to create a favourable environment for investment in the industry; formulating strategies, planning and plans for investment in defence industry to achieve the objectives of sustainable and long-term development; examining and supervising the investment to assess its effectiveness and transparency - the investment from the state budget.

Keywords: Defence industry, investment, state management.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

CNQP có đặc trưng của ngành công nghiệp với đặc thù là sản phẩm liên quan đến lĩnh

vực quốc phòng, liên quan đến công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm

nòng cốt [5]. Đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP là đầu tư công, có đầy đủ đặc trưng của đầu tư công và đặc điểm của lĩnh vực CNQP. Vì vậy có thể hiểu đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án trong lĩnh vực CNQP nhằm phục vụ cho việc đảm bảo an ninh, quốc phòng quốc gia. Trong đó, hoạt động đầu tư của Nhà nước là hoạt động sử dụng nguồn NSNN để sản xuất ra các sản phẩm thuộc lĩnh vực CNQP trong một thời gian tương đối dài, nhằm thu về lợi nhuận và lợi ích kinh tế. Lý luận và thực tiễn về xây dựng sức mạnh quân sự của các quốc gia trên thế giới cho thấy, vai trò then chốt của Nhà nước đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP. Luật Quốc phòng ghi rõ: “Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị, vật tư, thiết bị kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng, an ninh bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân” [4].

Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, tình hình chính trị khu vực và thế giới ngày càng khó lường, thì xu hướng tất yếu của các quốc gia là tăng cường chi tiêu NSNN cho quốc phòng và lĩnh vực CNQP. Các quốc gia tìm mọi biện pháp để có thể tăng cường tiềm lực trong lĩnh vực CNQP, nhằm cung cấp hàng hóa về an ninh quốc phòng có chất lượng, đảm bảo sự an toàn quốc gia, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, CNQP cũng là một ngành công

ng nghiệp then chốt trong phát triển tiềm lực công nghiệp quốc gia, cũng như là một ngành có thể thu được lợi nhuận cao nhờ xuất khẩu. Điều này cũng được thể hiện trong Luật Quốc phòng năm 2018: “Công nghiệp quốc phòng có nhiệm vụ: *Thứ nhất*, nghiên cứu, phát triển, sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa lớn, cải tiến, hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng; *thứ hai*, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [5]. Bài viết phân tích làm rõ quản lý nhà nước đối với đầu tư CNQP ở Việt Nam.

2. Xây dựng, ban hành hệ thống pháp luật về đầu tư công nghiệp quốc phòng

Trong những năm qua, quản lý của Nhà nước đối với đầu tư CNQP đã được nhấn mạnh trong Nghị Quyết số 06-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo” [12]; Quốc hội ban hành Pháp lệnh 02/2008/PL-UBTVQH12 về CNQP [13]; Chính phủ đã tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch, các kế hoạch 5 năm xây dựng và phát triển CNQP, ban hành các văn bản tạo cơ sở pháp lý cho đầu tư và phát triển CNQP. Đầu tư từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực CNQP ở Việt Nam được thực hiện thông qua các dự án đầu tư công trên cơ sở cơ chế QLTC được xây dựng cho tính chất đặc thù của ngành Quốc phòng nói chung và lĩnh vực CNQP nói riêng, trên cơ sở tuân thủ Luật Đầu tư công năm 2014 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Cơ chế QLTC phù hợp với hệ thống văn bản do Quốc hội, Chính phủ đã ban hành, quy định về việc quản lý và sử dụng NSNN, như: Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 [14]; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 12 năm 2016 [15] quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Đây là cơ sở quan trọng để các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo thực hiện tốt quản lý, sử dụng NSNN, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

Quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu xây dựng, ban hành mới các văn bản để hoàn thiện cơ chế QLTC quân đội. Ngay từ đầu nhiệm kỳ 2015-2020, Quân ủy Trung ương đã chỉ đạo đưa vào chương trình làm việc toàn khóa nhiệm vụ xây dựng nghị quyết chuyên đề về đổi mới cơ chế tài chính, ban hành kèm theo đề án đổi mới cơ chế QLTC quân đội. Thường vụ Quân ủy Trung ương đã tổ chức nhiều phiên họp xem xét kỹ lưỡng các nội dung liên quan đến việc đổi mới cơ chế QLTC quân đội. Với sự tập trung, thống nhất cao, ngày 25 tháng 8 năm 2018, Quân ủy Trung ương đã chính thức ban hành Nghị quyết số 915-NQ/QUTW về “Đổi mới cơ chế quản lý tài chính quân đội giai đoạn 2018-2025 và những năm tiếp theo”. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 3500/QĐ-BQP phê duyệt Đề án “Đổi mới cơ chế quản lý tài chính quân đội

theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, giai đoạn 2018-2025 và những năm tiếp theo”. Trong đó, Nghị quyết số 915-NQ/QUTW và Đề án đổi mới cơ chế QLTC quân đội xác định rõ mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc của cơ chế QLTC trong quân đội phải phù hợp với pháp luật của Nhà nước về tài chính, ngân sách; phòng, chống thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng NSNN. Căn cứ để xây dựng chính sách được dựa trên quan điểm, đường lối, chiến lược và quy hoạch phát triển lĩnh vực CNQP nói chung và đầu tư từ NSNN cho lĩnh vực CNQP nói riêng. Trên cơ sở quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ về xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, trọng tâm là Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo bước phát triển mới cho ngành công nghiệp đặc thù, quan trọng này. Nổi bật là, cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh được quan tâm xây dựng, từng bước hoàn thiện. Tổ chức lực lượng công nghiệp quốc phòng, an ninh được củng cố, kiện toàn, ngày càng gắn kết, hòa nhập với công nghiệp quốc gia [12].

3. Xây dựng chiến lược, quy hoạch về đầu tư công nghiệp quốc phòng

Chiến lược trong lĩnh vực CNQP được hiểu là một hệ thống các quan điểm cơ bản, các mục tiêu dài hạn về phát triển CNQP và các

giải pháp chủ yếu được lựa chọn một cách có căn cứ khoa học trên cơ sở huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực và lợi thế của đất nước để đạt được mục tiêu. Chiến lược đầu tư NSNN trong lĩnh vực CNQP thể hiện ở những nội dung sau.

Một là, hệ thống các quan điểm cơ bản của chiến lược đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP. Cụ thể, quan điểm là những tư tưởng xuyên suốt chiến lược. Nó được xác định theo quy trình chặt chẽ từ việc xác định mục tiêu, thứ tự ưu tiên đến nhiệm vụ cụ thể đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP. Tùy từng giai đoạn phát triển của đất nước, của quốc phòng quốc gia mà quan điểm phát triển CNQP nói chung và quan điểm đầu tư từ NSNN đối trong lĩnh vực CNQP điều chỉnh cho phù hợp.

Hai là, hệ thống các mục tiêu chiến lược đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP. Đó chính là những kết quả cần có khi kết thúc giai đoạn triển khai của chiến lược. Mục tiêu này có thể được xác định ở dạng định tính hay định lượng tùy thuộc vào quan điểm của Nhà nước.

Ba là, những nhiệm vụ và các giải pháp chiến lược đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP. Nhiệm vụ được thể hiện qua các công việc phải thực hiện trong cả giai đoạn triển khai chiến lược đầu tư nhằm đạt được mục tiêu đề ra của chiến lược. Giải pháp chiến lược chính là phương thức, hay cách thức cơ bản để thực hiện nhiệm vụ nhằm đạt tới mục tiêu chiến lược đề ra. Các giải pháp này thường được cụ thể hóa qua các chính sách đối với đầu tư trong lĩnh vực CNQP.

Việc xây dựng quan điểm, chính sách đầu tư cho quốc phòng xuất phát từ sự phân tích, đánh giá các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa và việc xác định các mục tiêu chiến lược lâu dài cũng như các mục tiêu cụ thể của hoạt động quốc phòng.

Trong xây dựng chiến lược quốc phòng, cần xác định đầy đủ, đúng mức các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa đối với từng quốc gia về an ninh, quốc phòng, thì việc xác định mục tiêu chi tiêu cho quốc phòng nói chung và chi cho đầu tư trong lĩnh vực CNQP nói riêng cần chính xác, phù hợp cũng là nội dung quan trọng. Xác định mục tiêu không đúng thì phương hướng đầu tư, hành động xây dựng dự án chi tiêu quốc phòng nói chung, hành động đảm bảo quốc phòng nói riêng sẽ không hiệu quả, thậm chí thất bại. Ngoài mục tiêu bảo vệ tổ quốc, những mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể khác trong xây dựng kế hoạch chi tiêu cho quốc phòng phải phù hợp về mặt ngân sách, yêu cầu kỹ, chiến thuật và năng lực khoa học, kỹ thuật quân sự.

Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo, xác định đường lối và quan điểm chiến lược, quy hoạch phát triển lĩnh vực quốc phòng, Chính phủ cụ thể hóa bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc phòng nói chung và trong lĩnh vực then chốt CNQP phù hợp với con người, văn hóa, địa hình và nghệ thuật quân sự của đất nước.

Nhà nước cung cấp vốn cho hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng. NSNN cho lĩnh vực quốc phòng đảm bảo cung cấp 100% cho các hoạt động chủ yếu để duy trì và tăng cường sức mạnh cho quân đội. Theo

nguyên tắc chung, chi cho quốc phòng và an ninh bao gồm các khoản chi về lương, tiền ăn của sĩ quan và chiến sĩ thuộc bộ máy thường trực, chi về trang thiết bị và các hoạt động của bộ máy đó để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, bên cạnh đó là các khoản chi về xây dựng cơ sở vật chất như trụ sở, doanh trại...

Quy hoạch đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP có thể hiểu là hình thức định hướng dài hạn đối với đầu tư của Nhà nước trong lĩnh vực CNQP. Trong đó, Nhà nước xác định rõ quy mô đầu tư và giới hạn đầu tư cho lĩnh vực CNQP. Bên cạnh đó, quy hoạch còn là căn cứ quan trọng cho xây dựng kế hoạch, chương trình và dự án đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP.

Quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu xây dựng, ban hành mới các văn bản để hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính (QLTC) quân đội. Quân ủy Trung ương xác định, đổi mới cơ chế QLTC là trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trong toàn quân; phải thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, đúng trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với pháp luật của Nhà nước và đặc thù lĩnh vực quốc phòng; đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Trong đó, chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của ngành nghiệp vụ và cơ quan tài chính

các cấp trong việc tham mưu về công tác QLTC; phải bảo đảm tính khoa học, thực tiễn và tính kế thừa, phát triển, khắc phục những hạn chế, bất cập của công tác QLTC hiện hành; đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong chỉ đạo thực hiện cơ chế QLTC mới, bảo đảm nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả. Việc xây dựng, ban hành các quy định, hướng dẫn mới về cơ chế QLTC theo hướng tăng cường tính rõ ràng và minh bạch, cụ thể: hướng đến dễ áp dụng, bám sát thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện đầu tư công nghiệp quốc phòng

Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP, bao gồm: các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và các ban quản lý chương trình đầu tư trọng điểm, ban quản lý các dự án trọng điểm đầu tư trong lĩnh vực CNQP, bộ máy các cơ quan kiểm tra, giám sát liên quan.

Tổ chức thực hiện đầu tư từ NSNN trên cơ sở lựa chọn các phương thức thực hiện theo định hướng của chiến lược, chính sách và văn bản pháp luật. Tùy vào mô hình đầu tư của mỗi quốc gia áp dụng mà triển khai. Thực tiễn, hầu hết các quốc gia đều áp dụng các phương thức đấu thầu, đơn đặt hàng hay giao nhiệm vụ thực hiện dự án đầu tư. Bên cạnh đó, tổ chức công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn quản lý dự án, quản lý NSNN và các

thông tin liên quan cho nguồn nhân lực tham gia vào quy trình đầu tư.

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đảm bảo cho các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi theo đúng quy trình quản lý NSNN; thực hiện theo đúng quy trình triển khai dự án đầu tư công. Bên cạnh đó là lựa chọn chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các nhà thầu tham gia các cấu phần cung cấp và chuyển giao công nghệ, thiết bị, dây chuyền sản xuất. Sự phối hợp này dựa trên căn cứ là các quy phạm quy định tại các văn bản pháp lý và sự điều hành, quản lý của các chủ đầu tư, của lãnh đạo các cơ quan nhà nước có liên quan mà trọng tâm là cơ quan hành pháp cao nhất là Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Thời gian qua, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp, hợp tác với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương để huy động nguồn lực tham gia xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng. Nhiều hoạt động nghiên cứu về CNQP đã được triển khai có hiệu quả: “Trong giai đoạn 2011-2015, trên 80% vũ khí, trang bị kỹ thuật do công nghiệp quốc phòng sản xuất là kết quả của các đề tài nghiên cứu trong nước. Ngành Công nghiệp quốc phòng cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học, chú trọng nâng cao chất lượng các chương trình, đề tài nghiên cứu, nhằm tạo ra một số loại sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang và phục vụ xuất khẩu. Mặt khác, tiếp tục quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các ngành, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng” [10].

Các bộ, ngành, địa phương cần xác định rõ trách nhiệm tham gia xây dựng công nghiệp quốc phòng, an ninh và phải cụ thể hóa trong quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển. Chú trọng gắn kết chặt chẽ hơn nữa công nghiệp dân sinh, các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương với nhiệm vụ xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh... Đối với các cơ sở CNQP, an ninh, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao hiệu quả kết hợp sản xuất quốc phòng với kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo nguồn lực tài chính để tái đầu tư cho phát triển. Những năm vừa qua, CNQP Việt Nam cũng có những bước phát triển đáng ghi nhận. Đến hết năm 2015, có 29 trên tổng số 60 dự án đầu tư theo Chương trình CNQP được hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng. Tiêu biểu như các dự án: thuốc nổ Hecxogen, TNT, tàu pháo TT-400TP, súng bộ binh thế hệ mới... [10]. Nhà máy A32 thuộc Cục Kỹ thuật - Quân chủng Phòng không - Không quân đã tăng hạn sử dụng thành công cho tiêm kích Su-27UBK số hiệu 8526. Kết quả này là bước đi vững chắc để Nhà máy A32 tiến tới đại tu, phục hồi khả năng bay cho toàn bộ phi đội Su-27SK/UBK, giúp tiết kiệm một lượng cực lớn ngân sách quốc phòng cũng như tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu. Năm 2016, Tổng Công ty Ba Son đã tổ chức nghiệm thu cặp tàu tên lửa Molniya thứ ba (M5, M6) mang số hiệu 381, 382. Đây là hai chiếc cuối cùng thuộc loạt tàu tấn công nhanh Dự án 1241.8 được Việt Nam mua bản quyền lắp ráp trong nước [11].

Trong điều kiện hiện nay, phải thực hiện đầu tư có chọn lọc, đúng trọng tâm, trọng

điểm; coi trọng đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, “đi tắt đón đầu”, kết hợp đa năng, lưỡng dụng, gắn phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật với xây dựng nguồn nhân lực. Trước mắt, cần tập trung nguồn lực, ưu tiên đầu tư, đẩy nhanh hoàn thành các chương trình, dự án trọng điểm, nhất là hiện đại hóa CNQP nòng cốt, tạo nền tảng, động lực để CNQP, an ninh chủ động hội nhập, phát triển nhanh, bền vững.

5. Kiểm tra, giám sát đầu tư công nghiệp quốc phòng

Nhà nước xây dựng chính sách và ban hành pháp luật về CNQP, đồng thời phải đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, kiên quyết khắc phục việc đầu tư dàn trải, trùng lặp, gây lãng phí.

Kiểm tra, giám sát được hiểu là quá trình đối chiếu, so sánh kết quả đầu tư đạt được với mục tiêu và kế hoạch đầu tư đã đặt ra để làm cơ sở điều chỉnh và tổ chức thực hiện đầu tư đúng hướng. Kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện đầu tư CNQP là công việc hết sức quan trọng trong quản lý nhà nước về quốc phòng. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP [16] và các yêu cầu sau: (1) Không chồng chéo giữa công tác giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư với công tác giám sát, đánh giá chuyên ngành; (2) Việc thực hiện công tác giám sát, đánh giá phải trên cơ sở khung giám sát, đánh giá do chủ đầu tư xây dựng trước khi thực hiện dự

án đầu tư; (3) Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các loại tài liệu hợp lệ làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư theo yêu cầu của người, cơ quan có thẩm quyền giám sát, đánh giá [17].

Công tác kiểm tra, giám sát đối với đầu tư từ NSNN trong lĩnh vực CNQP được thực hiện trước, giữa và cuối dự án đầu tư nhằm đảm bảo mục tiêu dự án đề ra, hay đầu ra của dự án đầu tư công, như: tính hợp lý, tính hiệu quả, tính hiệu suất và tính bền vững của đầu tư công trong lĩnh vực CNQP. Chủ thể kiểm tra, giám sát có trách nhiệm quy định trong luật về quản lý NSNN, luật quản lý đầu tư công và quy định pháp lý của Bộ Quốc phòng ban hành. Tính hiệu quả theo trần ngân sách, linh hoạt giữa các năm ngân sách, tính bền vững, có hệ thống và theo chiến lược của đầu tư trong CNQP được đảm bảo cho từng dự án. Bên cạnh đó, hỗ trợ cho cơ quan quản lý nhà nước có căn cứ kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả và tính bền vững của các dự án theo những cam kết trần ngân sách và cam kết theo kết quả đầu ra của từng dự án đầu tư. Điều này cho phép đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch của chi NSNN cho đầu tư CNQP trong bối cảnh là ngành có tính chất đặc thù và có ràng buộc nhiều về tính bảo mật.

6. Kết luận

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực CNQP. Tuy nhiên, để CNQP trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn thì cần có sự nỗ lực lớn của mọi nguồn lực, trong đó vai trò quản lý

nhà nước trong việc đầu tư CNQP là hết sức quan trọng. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, CNQP cũng cần phải đổi mới mạnh mẽ để thích ứng với xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, hướng tới một nền CNQP vừa bảo đảm an ninh quốc gia vừa đóng góp cho kinh tế của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Quốc phòng (2009), *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2009*, Hà Nội.
- [2] Mai Lan Hương (2010), *Vai trò của nhà nước đối với hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [3] Vũ Trường Khá (2017), *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các đoàn kinh tế quốc phòng khu vực phía Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính, Hà Nội.
- [4] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Quốc phòng* 2005.
- [5] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Quốc phòng* 2018.
- [6] Trần Đình Thắng (2011), *Hoàn thiện quản lý chi ngân sách đối với lĩnh vực quốc phòng Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [7] Trần Đình Thắng (2011), “Về một số yếu tố ảnh hưởng đến chi ngân sách quốc phòng của các quốc gia và những vấn đề đặt ra ở Việt Nam”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 6.
- [8] Nguyễn Thị Lệ Thúy, Bùi Thị Hồng Việt (Chủ biên) (2012), *Chính sách kinh tế - xã hội*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
- [9] Viện Chiến lược quân sự (2010), *Một số vấn đề về tổ hợp công nghiệp quốc phòng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] <http://tapchiquptd.vn/vi/van-de-chung/tiep-tuc-day-manh-xay-dung-va-phat-trien-cong-nghiep-quoc-phong/8928.html>
- [11] <https://soha.vn/thanh-tuu-cong-nghiep-quoc-phong-viet-nam-noi-bat-nhat-nam-2016-va-trien-vong-2017-20170104100615544.htm>
- [12] <http://tapchiquptd.vn/vi/nhung-chu-truong-cong-tac-lon/tiep-tuc-day-manh-thuc-hien-nghi-quyet-06nqtw-cua-bo-chinh-tri-ve-xay-dung-va-phat-trien/3796.html>
- [13] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Phap-lenh-cong-nghiep-quoc-phong-2008-02-2008-PL-UBTVQH12-62388.aspx>
- [14] <https://luatvietnam.vn/tai-chinh/luat-ngan-sach-nha-nuoc-2015-96260-d1.html>
- [15] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-dinh-163-2016-ND-CP-huong-dan-Luat-ngan-sach-nha-nuoc-335331.aspx>
- [16] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-84-2015-ND-CP-giam-sat-danh-gia-dau-tu-292148.aspx>
- [17] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Thong-tu-99-2017-TT-BQP-huong-dan-ve-cong-tac-giam-sat-va-danh-gia-dau-tu-350889.aspx>